

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DS-ST

Ngày: 19-10-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa:* Bà Đặng Thị Thùy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-DS ngày 28/9/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Hoa Tr, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp PH, xã PMH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1980; HKTT: xã QB, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 27/5/2021).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1984; Ngụ tại: Ấp LV, xã TT, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Tr (ông V) trình bày:*

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 ông Nguyễn Văn Th có vay của Bà Trần Hoa Tr số tiền 150.000.000 đồng, thời gian vay là 01 tháng, cụ thể là đến ngày 20/7/2019 nhưng đến hạn ông Th không trả, vay thỏa thuận không có tiền lãi, khi vay ông Th có làm giấy xác nhận có vay bà Tr số tiền 150.000.000 đồng, từ khi vay đến nay ông Th chưa trả khoản nợ gốc và lãi nào. Do ông Th không trả nợ gốc nên bà Tr khởi kiện yêu cầu ông Th trả nợ gốc là 150.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

Ngoài ra ông V không có ý kiến nào khác.

*\* Theo bản tự khai ngày 25/5/2021, quá trình tham gia tố tụng bị đơn (ông Th) trình bày:*

Ông Th thừa nhận có vay tiền của Bà Trần Hoa Tr 3 lần, mỗi lần số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là trước ngày 20.6.2019 khoảng mấy ngày, nhưng ngày cụ thể thì ông Th không nhớ, mỗi lần vay tiền có ghi giấy vay 50.000.000 đồng, bà Tr giữ giấy nợ chứ ông Th không giữ, đến ngày 20.6.2019 theo yêu cầu của bà Tr thì ông Th có ghi giấy chốt lại thể hiện ông Th còn nợ bà Tr tổng cộng 150.000.000 đồng. Ông Th có ký tên vào giấy chốt nợ này (giấy chốt nợ này ghi ngày 20.6.2019). Khi vay tiền lãi suất là cứ 1.000.000 đồng thì lãi mỗi ngày là 5.000 đồng, cụ thể 150.000.000 đồng mỗi tháng lãi 22.500.000 đồng, ông Th đóng lãi được 05 tháng tính từ tháng 6 năm 2019 thì hết khả năng đóng tiền lãi nên không đóng lãi nữa mà ông Th xin bà Tr trả tiền gốc và ông Th đã trả được 63.000.000 đồng nợ gốc. Mỗi lần trả nợ gốc và lãi thì ông Th chỉ đưa tiền trực tiếp cho bà Tr mà không có lập biên bản giao nhận tiền.

Nay ông Th chỉ còn nợ bà Tr số tiền gốc là 87.000.000 đồng, ông Th chỉ đồng ý trả 87.000.000 đồng nợ gốc còn lại.

Ngoài ra ông Th không có ý kiến gì khác.

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng

xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Hoa Tr khởi kiện ông Nguyễn Văn Th yêu cầu thanh toán số tiền là 150.000.000 tiền gốc theo các giấy mượn tiền ngày 20/6/2019. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Th có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp LV, xã TT, huyện DT, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Th được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 bà Tr cho ông Th vay số tiền 150.000.000 đồng, thời gian vay là 1 tháng, cụ thể là đến ngày 20/7/2019 nhưng đến hạn ông Th không trả nên bà Tr khởi kiện yêu cầu ông Th trả nợ gốc là 150.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Tr thì ông Th thừa nhận có vay tiền của bà Tr 3 lần, mỗi lần vay với số tiền 50.000.000 đồng, mỗi lần vay tiền ông Th đều có ghi giấy vay cho bà Tr. Đến ngày 20.6.2019 ông Th có ghi giấy chốt lại tiền vay của bà Tr tổng cộng là 150.000.000 đồng. Khi vay tiền lãi suất là 22.500.000 đồng/tháng/150.000.000 đồng. Ông Th đóng lãi được 05 tháng tính từ tháng 6 năm 2019 và đã trả được 63.000.000 đồng nợ gốc. Do đó, bà Tr yêu cầu ông thanh toán 150.000.000 đồng tiền gốc thì ông không đồng ý. Ông Th chỉ đồng ý thanh toán số tiền là 87.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà Tr cho ông Th vay tổng cộng 150.000.000 đồng và ông Th thừa nhận có vay số tiền này. Do đó quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà Tr cho rằng cho ông Th vay tiền có thời hạn 01 tháng, tuy nhiên theo giấy mượn tiền ngày 20/6/2019 thì không thể hiện thời gian thanh toán. Đồng thời nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh nào thể hiện việc thỏa thuận thời hạn thanh toán. Do đó, hợp đồng vay giữa bà Tr và ông Th thuộc hợp đồng vay không có thời hạn.

[2.2] Xét thấy giấy mượn tiền ngày 20/6/2019 do nguyên đơn cung cấp là bản chính. Mặc khác, ông Th thừa nhận có vay và ký tên trên giấy mượn tiền ngày 20/6/2019. Do đó thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Th cho rằng đã thanh toán cho bà Tr

được 63.000.000 đồng tiền gốc nhưng ông Th không có chứng cứ chứng minh việc ông trả tiền. Nên bà Tr yêu cầu ông Th thanh toán số tiền 150.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Bà Tr không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Th phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho bà Tr.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Bà Trần Hoa Tr đối với ông Nguyễn Văn Th.

Buộc ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm thanh toán cho Bà Trần Hoa Tr số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Th không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông Th còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho Bà Trần Hoa Tr số tiền 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045752 ngày 03/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Thùy Linh**